

Số: 02 /KH-BCĐ

Châu Thành, ngày 09 tháng 4 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai công tác kiểm tra, hậu kiểm**  
**về an toàn thực phẩm năm 2024 trên địa bàn huyện Châu Thành**

Căn cứ Kế hoạch số 06/KH-BCĐ ngày 14/3/2024 của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Trà Vinh về triển khai công tác kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2024;

Căn cứ Công văn số 1186/UBND-VX ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc triển khai, thực hiện Kế hoạch số 06/KH-BCĐ ngày 14/3/2024 của Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Trà Vinh.

Để tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện, Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm huyện Châu Thành xây dựng kế hoạch triển khai công tác kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2024 trên địa bàn huyện Châu Thành như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

1.1. Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, thông qua hoạt động hậu kiểm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về an toàn thực phẩm, hạn chế ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm; triển khai hoạt động hậu kiểm có trọng tâm, trọng điểm, tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới theo Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước, chấn chỉnh hoạt động quảng cáo theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng thuộc nhóm hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 19/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Đánh giá việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, quảng cáo, nhập khẩu, bảo quản, vận chuyển thực phẩm; cơ sở sản xuất, kinh doanh, quảng cáo, nhập khẩu sản phẩm thực phẩm bổ sung và sản phẩm dinh dưỡng công thức dùng cho trẻ nhỏ; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, đặc biệt là bếp ăn tập thể các công ty, trường học, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn và an toàn thực phẩm tại các lễ hội, sự kiện lớn, kinh doanh thức ăn đường



phổ; kiểm soát hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm và kiểm soát quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thịt và các sản phẩm từ thịt, bia, rượu, còn và đồ uống có cồn, nước giải khát, bánh mứt, kẹo, rau, củ, quả và các sản phẩm thực phẩm theo sự phân công trách nhiệm quản lý. Trên cơ sở đó, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện đảm bảo an toàn thực phẩm đúng theo quy định của pháp luật.

1.3. Đánh giá tình hình về an toàn thực phẩm đối với các nhóm thực phẩm lưu thông trên thị trường nhằm định hướng giải pháp quản lý.

1.4. Thông qua việc hậu kiểm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, quảng cáo thực phẩm, đánh giá việc cấp các loại giấy phép về an toàn thực phẩm (Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Giấy xác nhận nội dung quảng cáo, Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, Bản tự công bố sản phẩm,...).

1.5. Trong quá trình kiểm tra kết hợp làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức, pháp luật về ATTP, nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng trong bảo đảm ATTP.

1.6. Công tác hậu kiểm phải ngăn chặn được cơ bản tình trạng sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm không bảo đảm an toàn; quảng cáo thực phẩm vi phạm; phát hiện, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm về an toàn thực phẩm và công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

## **2. Yêu cầu**

2.1. Công tác kiểm tra, hậu kiểm có trọng tâm, trọng điểm, tập trung kiểm tra, hậu kiểm nhóm sản phẩm/sản phẩm thuộc diện tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, sản phẩm nhập khẩu thuộc diện miễn kiểm tra hoặc kiểm tra giảm và kiểm soát an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đặc biệt là các bếp ăn tập thể tại các công ty, trường học, lễ hội và các cơ sở thuộc diện không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Các hoạt động hậu kiểm phải được thực hiện thường xuyên, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

2.2. Hậu kiểm hồ sơ tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, đánh giá nội dung ghi nhãn và chỉ tiêu an toàn cơ sở tự công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố sản phẩm, các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định pháp luật cơ sở công bố áp dụng. Hoạt động hậu kiểm hồ sơ tự công bố sản phẩm được thực hiện thường xuyên tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về tự công bố sản phẩm.

2.3. Tránh chồng chéo trong hoạt động kiểm tra, hậu kiểm, tập trung sản phẩm/nhóm sản phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phân cấp cho địa phương cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, tự công bố sản phẩm, tiếp nhận bản công bố sản phẩm. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm phải đảm bảo theo nguyên tắc phân công tại Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ. Đối với cơ sở sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên



ngành trở lên thì cơ quan quản lý chuyên ngành nào thực hiện thủ tục hành chính/tiếp nhận bản tự công bố thì cơ quan đó chịu trách nhiệm hậu kiểm.

2.4. Hoạt động hậu kiểm phải bảo đảm phù hợp tính chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời, đúng pháp luật. Tiến hành hậu kiểm không cản trở hoạt động bình thường của các tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra.

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **1. Đối tượng kiểm tra, hậu kiểm**

#### **1.1. Đối với cơ quan quản lý ATTP**

Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP và các cơ quan quản lý về ATTP các cấp.

#### **1.2. Đối với cơ sở thực phẩm**

Kiểm tra, hậu kiểm các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, bảo quản, vận chuyển thực phẩm; các cơ sở kinh doanh, giết mổ gia súc, gia cầm; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố, bếp ăn tập thể trong các công ty (hoặc các cơ sở cung cấp suất ăn cho các doanh nghiệp), trường học và ATTP tại các lễ hội, sự kiện lớn và các cơ sở không thuộc diện cấp Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo phân cấp quản lý.

#### **1.3. Đối với sản phẩm thực phẩm**

Kiểm tra, hậu kiểm các nhóm hàng thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, vật liệu bao gói, dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm, tập trung vào các nhóm sản phẩm sau:

- Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; nước uống đóng chai, nước đá uống; sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ; phụ gia thực phẩm,...

- Thịt và sản phẩm từ thịt; thủy sản và các sản phẩm thủy sản; rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả,...

- Sữa, rượu; đặc biệt là rượu sản xuất thủ công; nước giải khát; bánh, mứt, kẹo,...

- Bún, bánh phở, bánh canh tươi,...

### **2. Nội dung kiểm tra, hậu kiểm**

#### **2.1. Đối với cơ quan quản lý về ATTP**

Kiểm tra trách nhiệm quản lý của Ban Chỉ đạo liên ngành và các cơ quan quản lý ATTP các cấp tập trung các nội dung:

- Việc triển khai công tác bảo đảm ATTP thuộc phạm vi quản lý;
- Việc cấp, tiếp nhận, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP;
- Triển khai công tác thông tin giáo dục truyền thông ATTP;
- Triển khai công tác kiểm tra, hậu kiểm và xử lý vi phạm về ATTP thuộc phạm vi quản lý;



- Triển khai công tác giám sát ngộ độc thực phẩm, giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm theo phân cấp quản lý.
- Việc bố trí, sử dụng kinh phí cho hoạt động ATTP.

## **2.2. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo thực phẩm**

### **a) Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm**

- Kiểm tra, hậu kiểm về điều kiện bảo đảm ATTP: Kiểm tra, hậu kiểm cơ sở thuộc diện cấp và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, trong đó chú trọng hậu kiểm đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP quy định tại Khoản 1 Điều 12, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các Nghị định khác của Chính phủ và các Thông tư của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương quy định điều kiện bảo đảm ATTP.

- Kiểm tra, hậu kiểm về công bố sản phẩm: Việc thực hiện các quy định về tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, trình tự công bố sản phẩm, phiếu kết quả kiểm nghiệm và các hồ sơ, tài liệu pháp lý quy định tại chương II và chương III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

- Kiểm tra, hậu kiểm về ghi nhãn thực hiện theo quy định tại Chương VII Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018, Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Hậu kiểm về sản xuất, kinh doanh và sử dụng phụ gia thực phẩm thực hiện theo quy định tại Chương X Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.

- Hậu kiểm về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thực hiện theo quy định tại Chương XI Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 và Thông tư số 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

### **b) Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố**

Kiểm tra, hậu kiểm việc chấp hành các quy định chung về bảo đảm an toàn thực phẩm, các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm; việc sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm; chú trọng kiểm soát bảo đảm an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể các công ty, trường học, các cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, khu du lịch, lễ hội, sự kiện lớn và thức ăn đường phố.

## **2.3. Đối với chất lượng sản phẩm thực phẩm**

a) Tập trung kiểm soát chất lượng thực phẩm các khâu: nguồn gốc nguyên liệu thực phẩm, vận chuyển, bảo quản; quá trình sản xuất, chế biến; nhập khẩu và lưu thông trên thị trường; việc sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, hương liệu, phẩm màu trong chế biến thực phẩm; chất cấm trong chăn nuôi; tiếp tục kiểm soát việc sử dụng các chất cấm trong thực phẩm như: hàn the trong giò



chả, salbutamol trong chăn nuôi,...; kiểm soát thực phẩm là hàng giả, không rõ nguồn gốc xuất xứ, hết hạn sử dụng, nhập lậu,...

b) Tăng cường lấy mẫu và kiểm nghiệm mẫu sản phẩm sau công bố; tập trung sản phẩm, nhóm sản phẩm phân cấp cho địa phương cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm, tiếp nhận bản công bố sản phẩm. Các cơ quan quản lý ATTP ngành: Y tế, Nông nghiệp, Công thương chủ động xây dựng kế hoạch lấy mẫu và xét nghiệm mẫu thực phẩm để hậu kiểm chất lượng sau công bố đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành.

## **2.4. Xử lý vi phạm**

### **2.4.1. Căn cứ pháp lý**

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội khóa 12;

- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; Nghị định 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh Rượu;

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

- Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế; Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;



- Thông tư 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế;

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

#### 2.4.2. Thực hiện xử lý vi phạm

- Các đoàn kiểm tra khi phát hiện vi phạm phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật, tuyệt đối không để các sản phẩm không bảo đảm an toàn thực phẩm, hàng giả, thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ, vi phạm về ghi nhãn hoặc có các vi phạm khác về an toàn thực phẩm lưu thông trên thị trường; ngăn chặn và xử lý nghiêm việc quảng cáo thực phẩm vi phạm. Không để các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố không bảo đảm an toàn thực phẩm tiếp tục hoạt động khi chưa thực hiện sửa chữa, khắc phục đạt yêu cầu.

- Trong quá trình kiểm tra các đoàn của tuyến trên căn cứ vào tính chất vụ việc và thẩm quyền để xử lý hoặc chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan chức năng nơi có cơ sở được kiểm tra đóng trên địa bàn để xử lý theo quy định.

### III. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm huyện giao Phòng Y tế triển khai công tác kiểm tra, hậu kiểm liên ngành về an toàn thực phẩm; tổ chức họp Đoàn kiểm tra liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm huyện phối hợp với các đơn vị có liên quan và các địa phương tiến hành công tác kiểm tra, hậu kiểm.

Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm các xã, thị trấn căn cứ kế hoạch của Ban Chỉ đạo huyện xây dựng kế hoạch kiểm tra, hậu kiểm của địa phương.

**2. Lấy mẫu kiểm nghiệm:** Việc lấy mẫu, chỉ định các chỉ tiêu kiểm nghiệm do Trưởng đoàn quyết định; lấy mẫu kiểm tra, hậu kiểm thực hiện theo quy định về lấy mẫu thực phẩm phục vụ kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

**3. Thời gian thực hiện:** (Phụ lục kèm theo)

- Đợt 1: từ ngày 03/6/2024 đến ngày 20/6/2024.

- Đợt 2: từ ngày 04/11/2024 đến ngày 21/11/2024.

#### 4. Công tác báo cáo

1. Đối với các đợt kiểm tra, hậu kiểm liên ngành (Tết Nguyên đán, Tháng hành động về an toàn thực phẩm, Tết Trung thu) báo cáo theo thời gian quy định của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh.

2. Kết thúc đợt kiểm tra, hậu kiểm Đoàn kiểm tra liên ngành huyện, các xã, thị trấn tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm gửi về



Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (Trung tâm Y tế huyện Châu Thành) đề tổng hợp báo cáo gửi Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm huyện và Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh theo quy định.

- Báo cáo 6 tháng: trước ngày 15/6/2024.

- Báo cáo năm 2024: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch công tác hậu kiểm năm 2024 và đề xuất Kế hoạch công tác hậu kiểm năm 2025 trước ngày 30/11/2024.

#### IV. KINH PHÍ

Sử dụng nguồn kinh phí được giao đầu năm theo Quyết định số 1626/QĐ-UBND, ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2024.

STT	Diễn giải	Thành tiền
1	Hỗ trợ tiền bồi dưỡng cho Đoàn kiểm tra liên ngành huyện: (11 người x 14 ngày x 60.000đ) x 02 đợt	18.480.000đ
2	Hợp Đoàn kiểm tra liên ngành huyện: - Tài liệu: 11 bộ x 20.000đ/bộ = 220.000 đồng. - Nước uống, vv...: 11 người x 40.000đ/người = 440.000 đồng.	660.000đ
<b>Tổng cộng</b>		<b>19.140.000đ</b>

Số tiền bằng chữ: Mười chín triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2024 trên địa bàn huyện Châu Thành của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm huyện Châu Thành./.

#### Nơi nhận:

- Chi cục ATVSTP tỉnh (b/c);
- Ban Tuyên giáo (Khoa giáo) (b/c);
- Văn phòng cấp ủy HĐND-UBND huyện (b/c);
- Bà Thạch Thị Sa Thy - CT.UBND huyện - Trưởng BCĐ (b/c);
- Ông Đỗ Minh Tiến - PCT.UBND huyện (b/c);
- Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP huyện;
- Phòng Y tế, Trung tâm Y tế huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- TYT các xã và PKĐKKV Hòa Minh;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**TRƯỞNG PHÒNG Y TẾ  
Nguyễn Minh Hiền**



# LỊCH KIỂM TRA, HẬU KIỂM VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 02/KH-BCĐ ngày 09/4/2024)

**Đợt 1: từ ngày 03/6/2024 đến ngày 20/6/2024**

STT	Địa phương	Ngày tháng	Địa điểm tập trung
1	Thị trấn Châu Thành	03/6/2024	Trung tâm Y tế
2	Xã Đa Lộc	04/6/2024	Trạm Y tế xã
3	Xã Mỹ Chánh	05/6/2024	Trạm Y tế xã
4	Xã Thanh Mỹ	06/6/2024	Trạm Y tế xã
5	Xã Lương Hòa	07/6/2024	Trạm Y tế xã
6	Xã Lương Hòa A	10/6/2024	Trạm Y tế xã
7	Xã Song Lộc	11/6/2024	Trạm Y tế xã
8	Xã Nguyệt Hóa	12/6/2024	Trạm Y tế xã
9	Xã Hòa Thuận	13/6/2024	Trạm Y tế xã
10	Xã Hòa Lợi	14/6/2024	Trạm Y tế xã
11	Xã Phước Hảo	17/6/2024	Trạm Y tế xã
12	Xã Hưng Mỹ	18/6/2024	Trạm Y tế xã
13	Xã Hòa Minh	19/6/2024	PKĐKKV
14	Xã Long Hòa	20/6/2024	Trạm Y tế xã



**LỊCH KIỂM TRA, HẬU KIỂM VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2024**  
(Kèm theo Kế hoạch số 02 /KH-BCĐ ngày 09 /4/2024)  
**Đợt 2: từ ngày 04/11/2024 đến ngày 21/11/2024**

STT	Địa phương	Ngày tháng	Địa điểm tập trung
1	Thị trấn Châu Thành	04/11/2024	Trung tâm Y tế
2	Xã Đa Lộc	05/11/2024	Trạm Y tế xã
3	Xã Mỹ Chánh	06/11/2024	Trạm Y tế xã
4	Xã Thanh Mỹ	07/11/2024	Trạm Y tế xã
5	Xã Lương Hòa	08/11/2024	Trạm Y tế xã
6	Xã Lương Hòa A	11/11/2024	Trạm Y tế xã
7	Xã Song Lộc	12/11/2024	Trạm Y tế xã
8	Xã Nguyệt Hóa	13/11/2024	Trạm Y tế xã
9	Xã Hòa Thuận	14/11/2024	Trạm Y tế xã
10	Xã Hòa Lợi	15/11/2024	Trạm Y tế xã
11	Xã Phước Hảo	18/11/2024	Trạm Y tế xã
12	Xã Hưng Mỹ	19/11/2024	Trạm Y tế xã
13	Xã Hòa Minh	20/11/2024	PKĐKKV
14	Xã Long Hòa	21/11/2024	Trạm Y tế xã